

Luật số: 77/2025/QH15

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬ DỤNG
NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Bổ sung khoản 10a vào sau khoản 10; sửa đổi, bổ sung khoản 11; bổ sung các khoản 12, 13 và 14 vào sau khoản 11 Điều 3 như sau:

“10a. *Mức hiệu suất năng lượng cao* là mức hiệu suất năng lượng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng để khuyến khích áp dụng theo từng thời kỳ.

11. *Sản phẩm tiết kiệm năng lượng* bao gồm phương tiện, thiết bị, sản phẩm có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu xây dựng có tính cách nhiệt tốt, giúp giảm tiêu thụ năng lượng, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

12. *Tổ chức dịch vụ năng lượng* là tổ chức cung cấp dịch vụ, giải pháp kỹ thuật và tài chính, thực hiện dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả dựa trên hợp đồng hiệu quả năng lượng. Tổ chức dịch vụ năng lượng bao gồm doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức dịch vụ năng lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

13. *Hợp đồng hiệu quả năng lượng* được hình thành giữa khách hàng và tổ chức dịch vụ năng lượng, làm cơ sở để khách hàng thanh toán cho tổ chức dịch vụ năng lượng khi thực hiện dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

14. *Chứng chỉ quản lý năng lượng* là chứng chỉ do Bộ Công Thương cấp cho người tham gia và đạt kết quả trong khóa đào tạo cho người quản lý năng lượng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động nguồn lực để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng tiên tiến về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành, nghề, lĩnh vực tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường biện pháp kiểm soát đối với những ngành, nghề, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“5. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển dịch vụ năng lượng. Đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tổ chức chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức cung cấp năng lượng do Nhà nước quản lý hoặc ủy quyền.

6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, tỉnh, thành phố và cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm.”.

3. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:

“1a. Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Thống kê về sử dụng năng lượng

Việc thống kê trong lĩnh vực năng lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 1 như sau:

“d) Nhà máy thủy điện phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành khai thác hồ chứa hoặc liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm yêu cầu phát điện an toàn, tham gia nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho sản xuất và đời sống, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả;

đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Đơn vị khai thác than, dầu khí phải thực hiện đánh giá phương án thu hồi và sử dụng hiệu quả về tài nguyên năng lượng, khí phát sinh trong khâu khai thác. Đơn vị vận chuyển, phân phối than, dầu khí phải thực hiện đánh giá phương án sử dụng hiệu quả về tài nguyên năng lượng, kiểm soát hao hụt trong các khâu chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối và tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp. Định kỳ không quá năm năm tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than.”;

c) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng. Cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong cơ sở.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm áp dụng đồng bộ biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền.”.

8. Sửa đổi, bổ sung câu mở đầu tại khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm.”.

9. Sửa đổi, bổ sung câu mở đầu tại khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn một năm một lần và gửi Bộ Công Thương tổng hợp.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm đáp ứng tiêu chuẩn, bảo đảm tính chính xác của số liệu nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng, thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định về xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định việc thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, kiểm tra, giám sát, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng do đơn vị đào tạo cấp.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung; chương trình đào tạo; kiểm tra, giám sát; thẩm quyền, ủy quyền cấp, công nhận, cấp lại, thu hồi chứng

chỉ quản lý năng lượng; thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng. Bộ Công Thương công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.”.

15. Sửa đổi, bổ sung tên Chương IX như sau:

“Chương IX

QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG”.

16. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 37. Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 như sau:

“2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng;

3. Công bố thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng;”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Dán nhãn năng lượng

1. Phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thuộc danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.

2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối, kinh doanh phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng, bao gồm cả trên nền tảng thương mại điện tử, phải thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sau khi phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng được thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về đo lường.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Quy định nội dung, quy cách nhãn năng lượng;

c) Quy định phòng thử nghiệm có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng;

d) Hướng dẫn, công bố việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

đ) Quy định việc công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hằng năm tổ chức triển khai thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về dán nhãn năng lượng phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng trong sản xuất, kinh doanh, phân phối trên địa bàn.”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3; bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 41 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ theo quy định của pháp luật từ Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường; được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Ưu đãi khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Hỗ trợ hoạt động kỹ thuật bao gồm: kiểm toán năng lượng, nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chuyên gia tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng.

3. Chính phủ quy định việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

4. Chính phủ xây dựng cơ chế khuyến khích, giải pháp hỗ trợ thúc đẩy ứng dụng quá trình chuyển đổi phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.”.

19. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41 như sau:

“Điều 41a. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn cả nước.

3. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

5. Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.”.

20. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 43. Tuyên truyền, giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển dịch vụ năng lượng”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3; bổ sung khoản 4 và khoản 5 vào sau khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức dịch vụ năng lượng thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Kiểm toán năng lượng;

b) Chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường;

c) Đào tạo kiểm toán viên năng lượng, người quản lý năng lượng, tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng tiên tiến;

d) Tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng, thực hiện hợp đồng hiệu quả năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng;

đ) Cung cấp thông tin, quảng bá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

e) Dịch vụ khác về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

4. Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để hình thành hệ thống tổ chức dịch vụ năng lượng.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng; hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật, biểu mẫu thông báo đối với tổ chức dịch vụ năng lượng. Bộ Công Thương công khai danh sách tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.”.

21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi kế hoạch năm năm về Bộ Công Thương để tổng hợp.”;

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và trong từng giai đoạn năm năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Chứng chỉ quản lý năng lượng được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn